

Bản án số: **08/2024/HNGĐ-ST**
Ngày : 01/7/2024
Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Văn Trinh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Vũ Yên & bà Lê Thị Bích Hậu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phùng Xuân Mỹ Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Anh, Kiểm sát viên.

Nhnhnhnh ngày 01 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lương Thị Thanh G**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: **thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: **thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên**.

Hiện lưu trú: **thôn Q, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên** (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 19/3/2024 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị **Lương Thị Thanh G** trình bày như sau:

Quan hệ hôn nhân: Tôi và bị đơn ông **Phạm Ngọc T** kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Hiện tại chúng tôi đã sống ly thân với

nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông **Phạm Ngọc T**.

Con chung: **Phạm Xuân T1**, sinh ngày 28/11/2020. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông **Phạm Ngọc T** cấp dưỡng.

Tài sản: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh và biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2024, bị đơn ông Phạm Ngọc T có ý kiến như sau: Thống nhất thuận tình ly hôn với chị **Lương Thị Thanh G** vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Con chung: Thống nhất giao con chung **Phạm Xuân T1**, sinh ngày 28/11/2020 cho chị **Lương Thị Thanh G** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tài sản: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn thống nhất thuận tình ly hôn.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

2. Nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

3. Về con chung: **Phạm Xuân T1**, sinh ngày 28/11/2020 hiện đang còn nhỏ và ở với mẹ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xét.

5. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ theo quy định của pháp luật, có biên bản xác minh, biên bản lấy lời khai của bị đơn và bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Hai bên tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn và chung sống hạnh phúc trong thời gian ngắn, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau và đã sống ly thân. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hôn nhân của hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc nguyên đơn và bị đơn thống nhất thuận tình ly hôn là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Con chung: **Phạm Xuân T1**, sinh ngày 28/11/2020 hiện đang sống cùng mẹ và bị đơn cũng thống nhất để nguyên đơn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án nguyên đơn chị **Lương Thị Thanh G** phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 55, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lương Thị Thanh G**. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị **Lương Thị Thanh G** và bị đơn ông **Phạm Ngọc T**.

2. Con chung: Giao con chung **Phạm Xuân T1**, sinh ngày 28/11/2020 cho nguyên đơn chị **Lương Thị Thanh G** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bị đơn ông **Phạm Ngọc T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn ông **Phạm Ngọc T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Án phí: Nguyên đơn chị **Lương Thị Thanh G** phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003819 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện Sơn Hòa (02);
- Chi cục THADS huyện Sơn Hòa (01);
- UBND xã Eachà Rang, huyện Sơn Hòa (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu AV, HS.

Bạch Văn Trinh